

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **118/2023/DS-ST**

Ngày 21 - 4 - 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh.

Ông Phạm Việt Bắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2023/TLST-DS ngày 17/02/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2023/QĐXXST-DS ngày 24/3/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Giã Hồng N1, sinh năm 1985 – Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 17/02/2023).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Bà Mai Ngọc D, sinh năm 1986.

Ông Võ Việt D1, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI D VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2023 của nguyên đơn có tại hồ sơ và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa, thể hiện:

Vào ngày 23/5/2018 âm lịch nguyên đơn có cho vợ chồng bị đơn vay số tiền gốc 80.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn khi nào nguyên đơn cần lấy lại tiền thì bị đơn trả lại, việc vay tiền có làm biên nhận tại “Giấy cam kết hỏi tiền tháng ngày 23/5/2018 âm lịch – có chữ ký của bị đơn bà Mai Ngọc D (dưới cụm từ người hỏi tiền ký tên)”. Khoản nợ này kể từ khi vay cho đến nay bị đơn không có khoản tiền vốn, lãi nào cho nguyên đơn. Số tiền gốc chưa thanh toán là 80.000.000 đồng, số tiền lãi chưa thanh toán (lãi suất 20%/năm X 80.000.000 đồng X thời hạn (từ

ngày 23/5/2018 âm lịch đến ngày 23/02/2023 âm lịch là 04 năm 09 tháng)) = 75.900.000 đồng.

Vào ngày 28/11/2018 âm lịch nguyên đơn có cho vợ chồng bị đơn vay thêm số tiền gốc 30.000.000 đồng, lãi suất cũng tự thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn khi nào nguyên đơn cần lấy lại tiền thì bị đơn trả lại, việc vay tiền có làm biên nhận tại “Biên nhận ngày 28/11/2018 – có chữ ký của bị đơn bà Mai Ngọc D (dưới cụm từ người nhận)”. Khoản nợ này kể từ khi vay cho đến nay bị đơn không có khoản tiền vốn, lãi nào cho nguyên đơn. Số tiền gốc chưa thanh toán là 30.000.000 đồng, số tiền lãi chưa thanh toán (lãi suất 20%/năm X 30.000.000 đồng X thời hạn (từ ngày 28/11/2018 âm lịch đến ngày 23/02/2023 âm lịch là 04 năm 03 tháng)) = 25.500.000 đồng.

Nay người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền số tiền 211.400.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc 110.000.000 đồng, nợ lãi 101.400.000 đồng (tính đến ngày 23/02/2023 âm lịch).

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội D vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán tiền nợ vay và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội D tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[4.1] *Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:* Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ “*Giấy cam kết hỏi tiền tháng ngày 23/5/2018 âm lịch có nội D: Tôi họ tên Mai Ngọc D ... có hỏi tiền bạc tháng của Nguyễn Thị N số tiền mặt 80.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng*

phải đóng lãi 4.000.000 đồng, để khi 5 N cần lấy lại số tiền 80.000.000 đồng sẽ trả đủ một lần - có chữ ký tên và ghi họ và tên của Mai Ngọc D dưới cụm từ (người hỏi tiền ký tên)” và “Biên nhận ngày 28/11/2018 có nội D: Tôi họ tên Mai Ngọc D ... đã nhận số tiền 30.000.000 đồng của Thiêm 8 Chấn - có chữ ký tên và ghi họ và tên của Mai Ngọc D dưới cụm từ (người nhận)”. Hội đồng xét xử xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo và văn bản tố tụng cho bị đơn trực tiếp nhận và sau khi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn biết được các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (trong đó có giấy cam kết hỏi tiền tháng ngày 23/5/2018 và biên nhận ngày 28/11/2018 do nguyên đơn cung cấp), nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc đã thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền vốn vay cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Như vậy, có căn cứ để chứng minh bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền vốn chưa thanh toán là 110.000.000 đồng.

[4.2] Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn: Giữa các bên có thỏa thuận về việc trả lãi với mức lãi suất 5%/tháng, lãi suất thỏa giữa các bên vượt quá quy định của pháp luật, nên cần điều chỉnh mức lãi suất 20%/năm, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chứng minh được việc thanh toán nợ lãi cho nguyên đơn, do đó cần buộc bị đơn có trách nhiệm trả lãi cho nguyên đơn trên số tiền gốc là đúng. Thời gian tính lãi tính kể từ ngày vay đến ngày 28/02/2023 âm lịch (do đại diện nguyên đơn xác định). Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu bằng mức điều chỉnh theo quy định của pháp luật và theo mặt thời gian kể từ ngày vay cho đến nay thì số tiền lãi bị đơn phải trả là nhiều hơn so với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu, đây là quyền định đoạt của nguyên đơn, nên cần chấp nhận buộc bị đơn trả lãi cho nguyên đơn tổng số tiền lãi 101.400.000 đồng là đúng.

[4.3] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và nợ lãi vay theo thỏa thuận giữa các bên và nghĩa vụ của bị đơn phát sinh từ giao dịch của bà Mai Ngọc D xác lập trong thời kỳ hôn nhân (ông Võ Việt D1 biết rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông D1 cùng có trách nhiệm với bà D thanh toán nợ, nhưng không phản đối), nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới cho nguyên đơn số tiền 211.400.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc 110.000.000 đồng, nợ lãi 101.400.000 đồng (tính đến ngày 23/02/2023 âm lịch) là đúng theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền vốn và tiền lãi nêu trên.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bị đơn bà Mai Ngọc D và ông Võ Việt D1 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N tổng số tiền 211.400.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc 110.000.000 đồng, nợ lãi 101.400.000 đồng (tính đến ngày 23/02/2023 âm lịch)).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn bà Mai Ngọc D và ông Võ Việt D1 phải nộp là 10.570.000 đồng (Chưa nộp).
- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đường sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải